

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2018/DS-PT
Ngày: 20-8-2018
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tân

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Thành Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 119/2018/TLPT- DS ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2018/QĐPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2018 giữa:

1. ***Nguyên đơn:*** Nguyễn Thị L, sinh năm 1976, địa chỉ: Ấp Thành L, xã Tân Công C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

- ***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:***

+ Bà Tăng Thị L là Luật sư của Văn phòng Luật sư L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ.

+ Ông Lý Ngọc B là Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 02 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ. Ông B có đơn xin vắng mặt, việc vắng mặt của ông B, bà L đồng ý yêu cầu Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

2. Bị đơn:

2.1. Lê Út H, sinh năm 1977; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2.2. Nguyễn Thị D, sinh năm 1977. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Vào năm 2015 bà có làm chủ dây hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khai một lần vào ngày 06 tháng 6 năm 2015 (âl) gồm có 27 hụi viên tham gia, trong đó bà D tham gia 01 chân và mua lại 03 chân hụi của bà B, bà H, bà S bán lại tổng cộng là 04 chân hụi. Đến ngày 06/7/2015 (âl) bà D hốt một chân hụi (trừ tiền hoa hồng 400.000 đồng/ một chân), số tiền hốt được 17.600.000 đồng, còn lại 03 chân hụi nữa thì bà D có yêu cầu bà L cho bà được hốt hụi luôn cùng một lúc để có tiền làm ăn, buôn bán, vì vậy bà L đồng ý cho bà D hốt luôn 03 chân hụi mua lại của bà B, bà H, bà S với số tiền 52.800.000 đồng. Như vậy tổng cộng 4 chân hụi bà D hốt được 70.400.000 đồng. Sau đó đến ngày 06/8/2015 (âl), 06/9/2015 (âl), 06/10/2015 (âl) bà L khai hụi để bà hốt trừ lại 03 chân hụi mà bà L đã cho bà D hốt trước. Kể từ khi bà D hốt hụi đến nay bà D không đóng hụi chết lại cho bà, nên bà L phải đóng thay cho bà D từ ngày 06/8/2015 (âl) cho đến khi mãn hụi, tổng cộng số tiền bà L đóng thay cho bà D tổng cộng là 100.000.000 đồng.

Trong quá trình bà D tham gia 04 chân hụi, ông Lê Út H là chồng của bà D không biết và lúc bà D hốt hụi, bà L giao tiền cho bà D ông H cũng không biết, nhưng khi bà đi thu tiền hụi của bà D thì có gặp ông H và ông H nói để khi nào ông xin được việc làm ông sẽ trả dần cho bà. Nhưng giữa hai bên chỉ nói miệng với nhau không có chứng cứ chứng minh, việc bà D hốt hụi bà L nghe bà D nói là sử dụng vào việc mua xe cho ông H. Nên nay bà yêu cầu ông H có trách nhiệm liên đới cùng bà D trả số tiền hụi mà bà đã đóng thay cho bà D 100.000.000 đồng và tiền lãi 0,75%/tháng kể từ ngày bà L đóng hụi thay cho bà D đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà thừa nhận là trước đây bà có tham gia chơi hụi do bà L làm chủ gồm hụi ngày, hụi tháng, những dây hụi này bà đã hốt nhưng không nhớ ngày và bà có vay của bà L số tiền 30.000.000 đồng. Sau đó bà có tham gia tiếp 01 chân hụi 1.000.000 đồng 01 tháng khai hụi một lần vào ngày 06/6/2015 (âl) gồm 27 hụi viên, đến ngày 06/7/2015 (âl) khai hụi đầu tiên thì bà hốt hụi, bà L yêu cầu bà viết biên nhận là bà có tham gia 04 chân và ký tên vào biên nhận hốt hụi với số tiền 70.400.000 đồng, nhưng thực chất bà không có nhận tiền hốt hụi vì số tiền này bà L đã cản trừ hết vào những dây hụi ngày mà trước đây bà đã tham gia và số tiền nợ bà vay của bà L chưa trả. Đến ngày 19/4/2017 bà L khởi kiện bà tại Tòa án nhân dân huyện T yêu cầu bà trả tất cả các khoản tiền mà bà còn nợ bà L trong đó có số tiền hụi 70.400.000 đồng mà bà đã ký nhận với bà L vào ngày 06/7/2015 (âl). Tại tòa giữa bà

với bà L đã thỏa thuận xong và Tòa án đã ra quyết định công nhận sự thỏa thuận số 48/2017 ngày 08/8/2017. Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền hụi còn nợ 100.000.000 đồng và tiền lãi 0,75%, bà không đồng ý.

Tại phiên tòa ngày 30/5/2018 bà D thừa nhận đã ký tên vào biên nhận còn nợ tiền bà L, bà tự nguyện thống nhất trả một mình cho bà L số tiền hụi còn thiếu là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Việc bà L yêu cầu ông H là chồng của bà có trách nhiệm liên đới cùng bà trả số tiền trên bà không đồng ý, bởi vì việc chơi hụi là cá nhân của bà không liên quan gì đến ông H, vì lúc bà tham gia chơi hụi chồng bà không hề hay biết và số tiền hụi mà bà đã hốt là để bà tiêu xài cá nhân và trả nợ, bà không sử dụng vào mục đích chung trong gia đình, và lại khi bà tham gia chơi hụi lúc đó chồng bà đi làm xa không có ở nhà.

- Ông Lê Út H trình bày: Ông là chồng bà D, ông không có liên quan đến việc nợ tiền hụi giữa vợ ông với bà L, vì lúc vợ ông chơi hụi ông đi làm công trình ở Đồng Nai từ năm 2012 đến năm 2016 ông mới trở về, nên việc tham gia chơi hụi của vợ ông thì ông không biết. Trước đây bà L có khởi kiện vợ chồng ông tại Tòa án T trong vụ án thụ lý số 74 ngày 19/4/2017, sau đó bà L không yêu cầu ông phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với vợ ông, vì bà L cho rằng ông không có liên quan gì cùng với bà D tham gia chơi hụi, nhưng tại sao hôm nay bà L lại kiện ông có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với vợ ông nữa, nên ông không đồng ý theo yêu cầu của bà L.

Tại bản án số 07/2018/DSST ngày 30/5/2018 của Tòa án huyện T tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền hụi còn thiếu là 114.127.750 đồng (một trăm mười bốn triệu một trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm năm chục đồng); (trong đó gốc là 100.000.000 đồng và lãi là 14.127.750 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Nguyễn Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 5.706.000 đồng.

Ông Lê Út H không phải chịu án phí.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do bà L thuộc diện hộ nghèo nên thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không đặt vấn đề xử lý.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 11/6/2018 bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, bà yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc ông H là chồng bà D có trách nhiệm liên đới cùng bà D trả cho bà số tiền 114.127.750 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà L vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, bà yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc ông H là chồng bà D có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà D.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc ông H là chồng bà D có trách nhiệm liên đới cùng bà D trả cho bà L số tiền 114.127.750 đồng, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vào năm 2015 bà L có làm chủ dây hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khai một lần, khai vào ngày 06 tháng 6 năm 2015 (âl) gồm có 27 hụi viên tham gia, trong đó bà D tham gia 01 chân và mua lại 03 chân hụi của bà B, bà H, bà S, tổng cộng là 04 chân hụi. Đến ngày 06/7/2015 (âl) bà D hốt một chân hụi (trừ tiền hoa hồng 400.000 đồng/một chân), số tiền hốt được 17.600.000 đồng, còn lại 03 chân hụi nữa thì bà D có yêu cầu bà L cho bà được hốt hụi luôn 03 chân còn lại cùng một lúc để bà có tiền trả nợ, làm ăn buôn bán, vì vậy bà L đồng ý cho bà D hốt luôn 03 chân hụi mua lại của bà B, bà H, bà S với số tiền 52.800.000 đồng. Như vậy tổng cộng 4 chân hụi bà D hốt được 70.400.000 đồng. Kể từ khi bà D hốt hụi đến nay bà D không đóng hụi lại cho bà L, nên bà L phải đóng hụi thay cho bà D từ ngày 06/8/2015 (âl) cho đến khi mãn hụi. Nay bà L yêu cầu ông H, bà D phải liên đới trả lại cho bà số tiền mà bà đã đóng hụi thay cho bà D là 100.000.000 đồng và tiền lãi 0,75% kể từ ngày bà L đóng hụi thay cho bà D đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/5/2018 bà D thừa nhận đã ký tên vào biên nhận còn nợ tiền hụi của bà L, bà tự nguyện thống nhất trả một mình cho bà L số tiền còn thiếu là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Việc bà L yêu cầu ông H là chồng của bà có trách nhiệm liên đới cùng bà trả số tiền trên bà không đồng

ý, bởi vì việc chơi hụi là cá nhân của bà không liên quan gì đến ông H, vì lúc bà tham gia chơi hụi chồng bà không hề hay biết và số tiền hụi mà bà đã hót là để bà tiêu xài cá nhân và trả nợ, bà không sử dụng vào mục đích chung trong gia đình, và lại khi bà tham gia chơi hụi lúc đó chồng bà đi làm công trình ở Đồng Nai không có ở nhà.

[2] Sau khi án sơ thẩm xử bà L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, bà yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc ông H là chồng bà D có trách nhiệm liên đới cùng bà D trả cho bà số tiền vốn và lãi tổng cộng là 114.127.750 đồng. Xét yêu cầu kháng cáo của bà L là không có căn cứ. Bởi vì, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bà L cũng thừa nhận việc bà D tham gia chơi hụi, ông H chồng bà D hoàn toàn không biết, cũng như khi bà L đến nhà để giao tiền hụi cho bà D, lúc này ông H cũng không có mặt ở nhà do ông H đi làm công trình ở Đồng Nai và bà L cũng không có chứng cứ gì để chứng minh bà D sử dụng số tiền hót hụi này vào mục đích chung trong gia đình. Do đó, án sơ thẩm xử chấp nhận một yêu cầu của bà L buộc bà D phải trả cho bà số tiền 114.127.750 đồng, không chấp nhận yêu cầu của bà L yêu cầu ông H có trách nhiệm liên đới cùng bà D trả số tiền trên cho bà là hoàn toàn có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà L giữ nguyên bản án sơ thẩm

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do bà L thuộc hộ nghèo nên miễn tiền án phí phúc thẩm cho bà L.

[3] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc ông H là chồng bà D có trách nhiệm liên đới cùng bà D trả cho bà L số tiền 114.127.750 đồng. Xét đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà L giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 479 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 07/2018/DSST ngày 30/5/2018 của Tòa án huyện T.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền hụi còn thiếu là 114.127.750 đồng (Một trăm mười bốn triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi đồng); (trong đó gốc là 100.000.000 đồng và lãi là 14.127.750 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 5.706.000 đồng.

Ông Lê Út H không phải chịu án phí.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do bà L thuộc diện hộ nghèo nên thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

- Án phí phúc thẩm: Miễn tiền án phí phúc thẩm cho bà L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;
- TAND huyện T;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội